TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HD** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2024
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hng Diễm**
Hội thẩm nhân dân: **Ông Lâm Thái Hiệp và ông Lại Thiện Phong**
Thư ký phiên tòa: **Ông Tô Hoàng Kha** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa: **Ông Dương Minh Kha**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Sơn Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp TT, thị trấn ND, huyện HD, tỉnh BL

Bị đơn: Anh Từ Văn G, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp TT, thị trấn ND, huyện HD, tỉnh BL

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh G vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/02/2024, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Sơn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị với anh Từ Văn G đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ND, huyện HD, tỉnh BL ngày 26/10/2009 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị H trình bày: Do trong thời gian chung sống giữa vợ cHng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, anh G ham mê cờ bạc, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Hiện chị và anh G đã sống ly thân từ tết năm 2024 cho đến nay, trong khoảng thời gian vợ cHng sống xa nhau không ai quan tâm ai, anh G cũng không có thiện chí liên lạc để hàn gắn tình cảm

vợ cHng mà liên tục quấy rối không cho chị đi làm ăn. Nay chị nhận thấy vợ cHng không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Từ Văn G. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết không cho chị ly hôn với anh G thì chị cũng không trở về chung sống với anh G được.

Về con chung: Chị Sơn Thị H xác định vợ cHng chung sống có với nhau 03 người con chung tên Từ Phi H, sinh ngày 04/6/2006, Từ Q B, sinh ngày 26/4/2008 và Từ B Q, sinh ngày 19/12/2012, hiện các con sống chung nhà với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi các con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sơn Thị H xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Từ Văn G: Mặc dù anh G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh G vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh Từ Văn G theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh G là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu Từ Q B, sinh ngày 26/4/2008 và Từ B Q, sinh ngày 19/12/2012 cho chị Sơn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đối với người con chung tênTừ Phi H, sinh ngày 04/6/2006 đến thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Anh Từ Văn G được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Sơn Thị H không đặt ra yêu cầu nên đề nghị không xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Sơn Thị H không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Sơn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với anh Từ Văn G. Anh Từ Văn G có địa chỉ cư trú tại huyện HD. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện HD.

Chị Sơn Thị H có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Sơn Thị H

Anh Từ Văn G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh G vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Từ Văn G.

[2] Về nội dung vụ án: Chị H và anh G chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống chị H và anh G có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ND, huyện HD, tỉnh BL ngày 26/10/2009 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị H và anh G là hợp pháp, được pháp luật công nhận và B vệ. Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh G thì Hội đồng đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ cHng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị H và anh G lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện chị H và anh G cũng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian qua cả chị H và anh G đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện muốn hàn gắn lại với nhau, chị H và anh G không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị H xác định vợ cHng không còn khả năng tiếp tục chung sống, tình cảm vợ cHng không còn, nếu Tòa án giải quyết không cho chị ly hôn với anh G thì chị cũng không trở về chung sống với anh G được. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ cHng giữa chị H và anh G là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh G là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ cHng chị H và anh G sống ly thân với nhau chị H là người trực tiếp nuôi con chung. Chị H vẫn đảm B về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này, cháu Từ Q B và cháu Từ B Q có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Sơn Thị H khi cha mẹ cháu ly hôn, đây là ý kiến hoàn toàn tự nguyện của cháu B và cháu Q, không bị ai đe dọa hay ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn phù hợp. Đối với người con chung tênTừ Phi H, sinh ngày 04/6/2006 đến thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Anh Từ Văn G được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Sơn Thị H không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sơn Thị H xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Sơn Thị H đối với anh Từ Văn G; Xử cho chị Sơn Thị H được ly hôn với anh Từ Văn G.

2/.Về nuôi con chung: giao người con chung tên Từ Q B, sinh ngày 26/4/2008 và Từ B Q, sinh ngày 19/12/2012 cho chị Sơn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Từ Văn G được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Sơn Thị H không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sơn Thị H xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Sơn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007552 ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Sơn Thị H và anh Từ Văn G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- Chi cục THADS huyện HD;
- UBND TT ND;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hng Diễm